

Số: 606./QĐ-ĐHNL

Thừa Thiên Huế, ngày 28. tháng 10. năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận các danh hiệu thi đua năm học 2018 - 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường Đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 1974/QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế nhiệm kỳ 2014 - 2019;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-ĐHNL ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Ban hành Tiêu chuẩn và quy trình bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế;

Căn cứ công văn số 727/ĐHH-VP ngày 06 tháng 6 năm 2019 và công văn số 967/ĐHH-VP ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Đại học Huế về hướng dẫn đánh giá và xét thi đua, khen thưởng năm học 2018-2019;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế tại phiên họp ngày 31 tháng 7 năm 2019 và ngày 08 tháng 8 năm 2019;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 74 tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, 379 cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và 46 cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm học 2018 - 2019 (danh sách kèm theo).

Điều 2. Kèm theo danh hiệu thi đua, mỗi tập thể và cá nhân được thưởng các mức thưởng theo quy định hiện hành; kinh phí trích từ quỹ thi đua, khen thưởng của nhà trường.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, các tập thể và cá nhân có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 1,3;
- VP ĐHH (để báo cáo);
- Lưu: VT, TC-HC.



PGS.TS. Lê Văn An



DANH SÁCH TẬP THỂ
ĐẠT DANH HIỆU "TẬP THỂ LAO ĐỘNG TIỀN TIẾN" NĂM HỌC 2018 - 2019
(Kèm theo Quyết định số 606.../QĐ-ĐHNL ngày 28... tháng 10... năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)

STT	ĐƠN VỊ	ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
1	Phòng TC-HC	Trường ĐHNL
2	Tổ Tổ chức	Phòng TCHC
3	Tổ Hành chính - Thi đua	Phòng TCHC
4	Tổ Bảo vệ	Phòng TCHC
5	Phòng Đào tạo	Trường ĐHNL
6	Tổ Tổng hợp-Tuyển sinh	Phòng Đào tạo
7	Tổ Kế hoạch đào tạo	Phòng Đào tạo
8	Tổ quản lý thi điểm thi	Phòng Đào tạo
9	Phòng Công tác sinh viên	Trường ĐHNL
10	Phòng KHCN-HTQT	Trường ĐHNL
11	Phòng KH-TC	Trường ĐHNL
12	Tổ Tổng hợp	Phòng KH-TC
13	Tổ Thanh toán	Phòng KH-TC
14	Phòng KT&ĐCLGD	Trường ĐHNL
15	Phòng CSVC	Trường ĐHNL
16	Tổ Quản trị vật tư -Y tế	Phòng CSVC
17	Tổ Vệ sinh - Môi trường	Phòng CSVC
18	Trung tâm TTTV	Trường ĐHNL
19	Tổ Công nghệ thông tin	Trung tâm TTTV
20	Tổ Thư viện	Trung tâm TTTV
21	Tổ Thanh tra - Pháp chế	Trường ĐHNL
22	Khoa Nông học	Trường ĐHNL
23	Bộ môn Giống cây trồng và Công nghệ sinh học	Khoa Nông học
24	Bộ môn Bảo vệ thực vật	Khoa Nông học
25	Bộ môn Sinh lý - Sinh hóa thực vật	Khoa Nông học
26	Bộ môn Nông hóa - Thổ nhưỡng	Khoa Nông học
27	Bộ môn rau, hoa, quả và cảnh quan	Khoa Nông học
28	Bộ môn Cây trồng	Khoa Nông học
29	Khoa CNTY	Trường ĐHNL
30	Bộ môn Chăn nuôi chuyên khoa	Khoa CNTY
31	Bộ môn Dinh dưỡng và Hóa sinh động vật	Khoa CNTY
32	Bộ môn Sinh lý giải phẫu	Khoa CNTY
33	Bộ môn Ký sinh truyền nhiễm	Khoa CNTY



34	Bộ môn Thú y học lâm sàng	Khoa CNTY
35	Khoa Lâm nghiệp	Trường ĐHNL
36	Bộ môn Lâm sinh	Khoa Lâm nghiệp
37	Bộ môn Quản lý TNR & MT	Khoa Lâm nghiệp
38	Bộ môn Lâm nghiệp xã hội	Khoa Lâm nghiệp
39	Bộ môn Chế biến lâm sản	Khoa Lâm nghiệp
40	Bộ môn Điều tra quy hoạch rừng	Khoa Lâm nghiệp
41	Bộ môn Lâm nghiệp đô thị	Khoa Lâm nghiệp
42	Khoa CK-CN	Trường ĐHNL
43	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	Khoa CKCN
44	Bộ môn Công nghệ sau thu hoạch	Khoa CKCN
45	Bộ môn Kỹ thuật điều khiển - Tự động hoá	Khoa CKCN
46	Bộ môn Kỹ thuật công trình	Khoa CKCN
47	Bộ môn Công nghệ thực phẩm	Khoa CKCN
48	Bộ môn Quản lý chất lượng thực phẩm	Khoa CKCN
49	Khoa KN&PTNT	Trường ĐHNL
50	Bộ môn Hệ thống nông nghiệp	Khoa KN&PTNT
51	Bộ môn Khuyến nông	Khoa KN&PTNT
52	Bộ môn Phát triển nông thôn	Khoa KN&PTNT
53	Bộ môn Kinh tế nông thôn	Khoa KN&PTNT
54	Khoa Thủy sản	Trường ĐHNL
55	Bộ môn Cơ sở thủy sản	Khoa Thủy sản
56	Bộ môn Nuôi trồng thủy sản	Khoa Thủy sản
57	Bộ môn Quản lý MT và nguồn lợi Thủy sản	Khoa Thủy sản
58	Bộ môn Bệnh Thủy sản	Khoa Thủy sản
59	Khoa TNĐ&MTNN	Trường ĐHNL
60	Bộ môn Quản lý tài nguyên và Môi trường	Khoa TNĐ&MTNN
61	Bộ môn Trắc địa và bản đồ	Khoa TNĐ&MTNN
62	Bộ môn Công nghệ Thông tin đất đai	Khoa TNĐ&MTNN
63	Bộ môn Quy hoạch và Kinh tế đất	Khoa TNĐ&MTNN
64	Khoa Cơ bản	Trường ĐHNL
65	Bộ môn Sinh học	Khoa Cơ bản
66	Bộ môn Vật lý	Khoa Cơ bản
67	Bộ môn Toán	Khoa Cơ bản
68	Bộ môn Tin	Khoa Cơ bản
69	Bộ môn Hóa học	Khoa Cơ bản
70	Viện Nghiên cứu Phát triển	Trường ĐHNL

71	Tổ Tứ Hạ	Viện Nghiên cứu Phát triển
72	Tổ Hương Vân	Viện Nghiên cứu Phát triển
73	Tổ Phú Thuận	Viện Nghiên cứu Phát triển
74	Trung tâm PTNTMT	Trường ĐHNL

Danh sách có 74 tập thể./.



DANH SÁCH CÁ NHÂN
ĐẠT DANH HIỆU “LAO ĐỘNG TIỀN TIẾN” NĂM HỌC 2018 - 2019
 (Kèm theo Quyết định số 606.../QĐ-ĐHNL ngày 28... tháng 10... năm 2019
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)

STT	TT	Họ và Tên	Ghi chú
I	I	Phòng Đào tạo	
1.	1.	Nguyễn Phi Dũng	
2.	2.	Trần Văn Tý	
3.	3.	Nguyễn Thị Thu	
4.	4.	Nguyễn Xuân Cảnh	
5.	5.	Ngô Tùng Đức	
6.	6.	Nguyễn Thị Thanh	
7.	7.	Dương Viết Tân	
8.	8.	Nguyễn Viết Chiến	
9.	9.	Nguyễn Tiến Longck	
10.	10.	Hoàng Hải Vân	
11.	11.	Đặng Văn Vinh	
12.	12.	Nguyễn Thị Xuân	
13.	13.	Đàm Thị Liên	
II	II	Phòng Công tác sinh viên	
14.	1.	Trần Võ Văn May	
15.	2.	Nguyễn Nam Quang	
16.	3.	Thái Doãn Hùng	
17.	4.	Nguyễn Thị Hiền	
18.	5.	Đoàn Thị Phương Thảo	
19.	6.	Nguyễn Thị Thuỷ An	
20.	7.	Phạm Trần Kim Chi	
21.	8.	Nguyễn Thị Hồng	
III	III	Phòng KHCN-HTQT	
22.	1.	Phạm Hữu Ty	
23.	2.	Nguyễn Hồ Lam	
24.	3.	Lê Thị Thuý Hằng	
25.	4.	Lê Xuân Ánh	
26.	5.	Trần Thị Quỳnh Tiên	
IV	IV	Phòng TC-HC	
27.	1.	Nguyễn Tiến Long	
28.	2.	Đinh Thị Song Thuý	
29.	3.	Hồ Tấn Đức	
30.	4.	Dương Văn Thành	
31.	5.	Nguyễn Thanh Nhân	
32.	6.	Phan Thị Hằng	
33.	7.	Lê Dũng	

34.	8.	Nguyễn Khoa Hiếu	
35.	9.	Nguyễn Khoa Kiên	
36.	10.	Nguyễn Thị Minh Thu	
37.	11.	Dương Công Huân	
38.	12.	Nguyễn Thị Minh	
39.	13.	Võ Tiến Cường	
40.	14.	Trần Thị Huyền	
41.	15.	Nguyễn Mười	
42.	16.	Nguyễn Đức Quân	
V	V	Phòng KH-TC	
43.	1.	Trần Văn Quý	
44.	2.	Hoàng Thị Ngọc Vân	
45.	3.	Lê Ngọc Thu Phượng	
46.	4.	Lê Thị Mai Hương	
47.	5.	Nguyễn Minh Tuấn	
48.	6.	Lương Thị Phương	
49.	7.	Lê Thị Liên	
50.	8.	Lê Đức Tuấn	
51.	9.	Trần Thị Huyền Trang	
VI	VI	Phòng KT&ĐBCLGD	
52.	1.	Phạm Hồng Sơn	
53.	2.	Nguyễn Văn Đức	
54.	3.	Võ Thị Thuý Hường	
55.	4.	Châu Võ Trung Thông	
56.	5.	Trần Phương Đông	
VII	VII	Phòng CSVC	
57.	1.	Nguyễn Thanh Long	
58.	2.	Nguyễn Thị Ngọc	
59.	3.	Nguyễn Thị Thuyền	
60.	4.	Nguyễn Hoài Nam	
61.	5.	Nguyễn Trọng Phúc	
62.	6.	Nguyễn Văn Tiến	
63.	7.	Nguyễn Thị Hương	
64.	8.	Hoàng Thị Hương	
65.	9.	Nguyễn Thị Mai	
66.	10.	Nguyễn Tuấn Anh	
67.	11.	Hoàng Thị Kim Yên	
68.	12.	Hoàng Nguyễn Thủy Trang	
69.	13.	Võ Thị Hải Yến	
70.	14.	Trần Thị Lại	
71.	15.	Lê Thị Minh Triết	

VIII	VIII	Tổ Thanh tra - Pháp chế	
72.	1.	Lê Trọng Thực	
73.	2.	Phạm Thị Thanh Phúc	
74.	3.	Nguyễn Thị Hương Giang	
IX	IX	Trung tâm TT. Thư Viện	
75.	1.	Nguyễn Thúc Phúc	
76.	2.	Nguyễn Duy Ngọc Tân	
77.	3.	Nguyễn Thị Xuân Phương	
78.	4.	Phạm Thị Vân	
79.	5.	Ngô Thị Trung	
80.	6.	Hoàng Bảo Nga	
81.	7.	Lê Thị Lệ Huyền	
82.	8.	Nguyễn Thị Như	
83.	9.	Tạ Phước Ánh	
X	X	Viện NCPT	
84.	1.	Ngô Mậu Dũng	
85.	2.	Nguyễn Khoa Huy Sơn	
86.	3.	Huỳnh Kim Hiếu	
87.	4.	Trần Văn Hồ	
88.	5.	Nguyễn Hải Âu	
89.	6.	Đinh Hồ Anh	
90.	7.	Huỳnh Văn Vĩ	
91.	8.	Đặng Hiếu	
92.	9.	Nguyễn Thanh Vinh	
93.	10.	Hồ Đăng Hiệp	
94.	11.	Nguyễn Anh Tuấn	
95.	12.	Đặng Văn Sơn	
96.	13.	Trần Văn Bình	
97.	14.	Nguyễn Thị HồngB	
XI	XI	Trung tâm PTNTMT	
98.	1.	Trương Quang Hoàng	
99.	2.	Võ Chí Tiên	
100.	3.	Lê Thị Minh Hải	
101.	4.	Phan Văn Hùng	
102.	5.	Đặng Thị Lan Anh	
103.	6.	Nguyễn Văn Nam	
104.	7.	Nguyễn Thị Lan Hương	
105.	8.	Phan Thị Hòa	
106.	9.	Hoàng Thùy Dung	
XII	XII	Khoa Nông học	
107.	1.	Trần Thị Thu Giang	

108.	2.	Nguyễn Vĩnh Trường	
109.	3.	Lê Như Cương	
110.	4.	Nguyễn Thị Thu Thủy	
111.	5.	Trương Thị Diệu Hạnh	
112.	6.	Lê Khắc Phúc	
113.	7.	Trần Thị Hoàng Đông	
114.	8.	Nguyễn Thị Giang	
115.	9.	Trần Thị Phương Nhung	
116.	10.	Trần Thị Triều Hà	
117.	11.	Đỗ Đình Thục	
118.	12.	Vũ Tuấn Minh	
119.	13.	Nguyễn Văn Quy	
120.	14.	Nguyễn Quang Cơ	
121.	15.	Hồ Công Hưng	
122.	16.	Hoàng Hải Lý	
123.	17.	Nguyễn Đình Thi	
124.	18.	Trần Thị Lệ	
125.	19.	Lê Thị Thu Hường	
126.	20.	Nguyễn Thị Dung	
127.	21.	Phùng Lan Ngọc	
128.	22.	Hoàng Thị Thái Hoà	
129.	23.	Nguyễn Minh Hiếu	
130.	24.	Trần Thị Ánh Tuyết	
131.	25.	Lê Thanh Bồn	
132.	26.	Nguyễn Trung Hải	
133.	27.	Vi Thị Linh	
134.	28.	Trịnh Thị Sen	
135.	29.	Lê Văn Chánh	
136.	30.	Lã Thị Thu Hằng	
137.	31.	Trần Thị Thu Hà	
138.	32.	Trần Đăng Hoà	
139.	33.	Dương Thanh Thủy	
140.	34.	Trần Minh Quang	
141.	35.	Phan Thị Phương Nhi	
142.	36.	Trần Thị Xuân Phương	
143.	37.	Trần Đăng Khoa	
144.	38.	Thái Thị Huyền	
XIII	XIII	Khoa CNTY	
145.	1.	Nguyễn Xuân Bả	
146.	2.	Nguyễn Đức Hưng	
147.	3.	Trần Thanh Hải	

148.	4.	Nguyễn Hữu Văn	
149.	5.	Lê Thị Thu Hằng	
150.	6.	Văn Ngọc Phong	
151.	7.	Trần Ngọc Long	
152.	8.	Đinh Văn Dũng	
153.	9.	Hồ Trung Thông	
154.	10.	Hồ Lê Quỳnh Châu	
155.	11.	Võ Thị Minh Tâm	
156.	12.	Thân Thị Thanh Trà	
157.	13.	Nguyễn Minh Hoàn	
158.	14.	Dương Thị Hương	
159.	15.	Nguyễn Xuân Hoà	
160.	16.	Trần Quang Vui	
161.	17.	Nguyễn Thị Thuý	
162.	18.	Thượng Thị Thanh Lễ	
163.	19.	Lê Văn Phước	
164.	20.	Lê Trần Hoàn	
165.	21.	Đinh Thị Bích Lân	
166.	22.	Dương Thanh Hải	
167.	23.	Nguyễn Hải Quân	
168.	24.	Trần Sáng Tạo	
169.	25.	Phan Thị Hằng	
170.	26.	Lê Đức Thạo	
171.	27.	Phan Vũ Hải	
172.	28.	Vũ Văn Hải	
173.	29.	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	
174.	30.	Hoàng Chung	
175.	31.	Trần Ngọc Liêm	
176.	32.	Phạm Tính	
177.	33.	Lê Thị Tuyết Nhung	
178.	34.	Nguyễn Thị Hoa	
179.	35.	Trần Thị Thu Hồng	
180.	36.	Dư Thanh Hằng	
181.	37.	Lê Đức Ngoan	
182.	38.	Nguyễn Tiến Vồn	
183.	39.	Đàm Văn Tiệp	
184.	40.	Lê Minh Đức	
185.	41.	Nguyễn Thị Mùi	
XIV	XIV	Khoa Lâm nghiệp	
186.	1.	Đặng Thái Dương	
187.	2.	Hồng Bích Ngọc	

188.	3.	Đinh Thị Hương Duyên	
189.	4.	Trần Thị Thuý Hằng	
190.	5.	Nguyễn Lan Phương	
191.	6.	Lê Thị Cẩm Vân	
192.	7.	Võ Quang Anh Tuấn	
193.	8.	Trần Minh Đức	
194.	9.	Võ Thị Minh Phương	
195.	10.	Nguyễn Thị Thương	
196.	11.	Lê Thái Hùng	
197.	12.	Nguyễn Hối	
198.	13.	Trần Mạnh Đạt	
199.	14.	Lê Quang Vĩnh	
200.	15.	Hoàng Huy Tuấn	
201.	16.	Nguyễn Thị Hồng Mai	
202.	17.	Lê Thị Phương Thảo	
203.	18.	Nguyễn Duy Phong	
204.	19.	Nguyễn Đăng Niêm	
205.	20.	Nguyễn Trọng Hồng	
206.	21.	Nguyễn Văn Minh	
207.	22.	Châu Thị Thanh	
208.	23.	Lê Thị Thu Hà	
209.	24.	Nguyễn Văn Lợi	
210.	25.	Hoàng Văn Dưỡng	
211.	26.	Hồ Thanh Hà	
212.	27.	Ngô Thị Phương Anh	
213.	28.	Trần Nam Thắng	
214.	29.	Vũ Thị Thuỳ Trang	
215.	30.	Đỗ Thị Thu Ái	
216.	31.	Phùng Xuân Linh	
217.	32.	Hồ Đăng Hải	
218.	33.	Hồ Đăng Nguyên	
219.	34.	Dương Viết Tinh	
220.	35.	Hoàng Phước Thôi	
221.	36.	Phạm Thị Phương Thảo	
222.	37.	Phạm Cường	
223.	38.	Văn Thị Yên	
XV	XV	Khoa CK-CN	
224.	1.	Đỗ Minh Cường	
225.	2.	Đinh Vương Hùng	
226.	3.	Phạm Xuân Phương	
227.	4.	Trần Đức Hạnh	

228.	5.	Nguyễn Đức Chung	
229.	6.	Nguyễn Quốc Sinh	
230.	7.	Hồ Sỹ Vương	
231.	8.	Nguyễn Thị Diễm Hương	
232.	9.	Nguyễn Cao Cường	
233.	10.	Khương Anh Sơn	
234.	11.	Nguyễn Như Bảo Việt	
235.	12.	Nguyễn Quang Lịch	
236.	13.	Ngô Quý Tuấn	
237.	14.	Phạm Việt Hùng	
238.	15.	Nguyễn Thị Thanh	
239.	16.	Lê Minh Đức	
240.	17.	Đỗ Thị Bích Thủy	
241.	18.	Nguyễn Văn Toàn	
242.	19.	Phan Đỗ Dạ Thảo	
243.	20.	Nguyễn Thị Vân Anh	
244.	21.	Nguyễn Thị Thủy Tiên	
245.	22.	Nguyễn Hiền Trang	
246.	23.	Võ Văn Quốc Bảo	
247.	24.	Nguyễn Văn Huế	
248.	25.	Trần Thanh Quỳnh Anh	
249.	26.	Nguyễn Thy Đan Huyền	
250.	27.	Lê Thanh Long	
251.	28.	Trần Bảo Khánh	
252.	29.	Nguyễn Quốc Huy	
253.	30.	Nguyễn Thanh Cường	
254.	31.	Hồ Nhật Phong	
255.	32.	Nguyễn Thị Kim Anh	
256.	33.	Phan Tôn Thanh Tâm	
257.	34.	Tổng Thị Quỳnh Anh	
258.	35.	Đoàn Thị Thanh Thảo	
259.	36.	Trần Ngọc Khiêm	
260.	37.	Hồ Văn Dũng	
261.	38.	La Quốc Khánh	
262.	39.	Phan Thị Bé	
263.	40.	Vệ Quốc Linh	
264.	41.	Võ Công Anh	
XVI	XVI	Khoa KN&PTNT	
265.	1.	Nguyễn Ngọc Truyền	
266.	2.	Nguyễn Việt Tuấn	
267.	3.	Nguyễn Văn Thành	

268.	4.	Lê Thị Hoa Sen	
269.	5.	Lê Văn Nam	
270.	6.	Lê Thị Hồng Phương	
271.	7.	Nguyễn Tiến Dũng	
272.	8.	Hoàng Gia Hùng	
273.	9.	Trương Văn Tuyền	
274.	10.	Trần Cao ury	
275.	11.	Nguyễn Thị Tuyết Sương	
276.	12.	Nguyễn Thị Diệu Hiền	
277.	13.	Dương Ngọc Phước	
278.	14.	Lê Chí Hùng Cường	
279.	15.	Trần Thị Ánh Nguyệt	
280.	16.	Nguyễn Thiện Tâm	
281.	17.	Nguyễn Trọng Dũng	
282.	18.	Đinh Thị Kim Oanh	
283.	19.	Cao Thị Thuyết	
284.	20.	Hồ Lê Phi Khanh	
285.	21.	Hoàng Thị Hồng Quế	
286.	22.	Nguyễn Thị Bích Thủy	
287.	23.	Nguyễn Văn Chung	
288.	24.	Phạm Thị Nhung	
289.	25.	Hoàng Dũng Hà	
290.	26.	Nguyễn Thị Chung	
XVII	XVII	Khoa Thuỷ sản	
291.	1.	Ngô Hữu Toàn	
292.	2.	Trần Thị Thu Sương	
293.	3.	Lê Văn Dân	
294.	4.	Nguyễn Thị Xuân Hồng	
295.	5.	Hà Thị Huệ	
296.	6.	Võ Điều	
297.	7.	Nguyễn Tử Minh	
298.	8.	Lê Thị Thu An	
299.	9.	Trần Nguyên Ngọc	
300.	10.	Nguyễn Phi Nam	
301.	11.	Tôn Thất Chát	
302.	12.	Võ Đức Nghĩa	
303.	13.	Phạm Thị Phương Lan	
304.	14.	Nguyễn Văn Huy	
305.	15.	Nguyễn Thị Thanh Thủy	
306.	16.	Lê Minh Tuệ	
307.	17.	Mạc Như Bình	

308.	18.	Nguyễn Văn Huệ	
309.	19.	Ngô Thị Hương Giang	
310.	20.	Trần Thị Thuý Hằngts	
311.	21.	Nguyễn Đức Thành	
312.	22.	Kiều Thị Huyền	
313.	23.	Trần Quang Khánh Vân	
314.	24.	Trương Thị Hoa	
315.	25.	Nguyễn Ngọc Phước	
316.	26.	Hồ Thị Tùng	
317.	27.	Phạm Thị Hải Yến	
318.	28.	Nguyễn Thị Huế Linh	
319.	29.	Nguyễn Anh Tuấnts	
320.	30.	Trương Văn Đàn	
321.	31.	Nguyễn Duy Quỳnh Trâm	
322.	32.	Nguyễn Đức Quỳnh Anh	
323.	33.	Hà Nam Thắng	
324.	34.	Hoàng Nghĩa Mạnh	
325.	35.	Nguyễn Thị Thuý Hằngts	
326.	36.	Lê Văn Bảo Duy	
327.	37.	Hồ Thị Thu Hoài	
XVIII	XVIII	Khoa TND&MTNN	
328.	1.	Hồ Kiệt	
329.	2.	Nguyễn Văn Bình	
330.	3.	Nguyễn Thành Nam	
331.	4.	Nguyễn Ngọc Thanh	
332.	5.	Hồ Việt Hoàng	
333.	6.	Trần Thị Phụng	
334.	7.	Trần Thị Kiều My	
335.	8.	Trịnh Ngân Hà	
336.	9.	Trương Đỗ Minh Phụng	
337.	10.	Nguyễn Hữu Ngừ	
338.	11.	Nguyễn Thị Hải	
339.	12.	Lê Ngọc Phương Quý	
340.	13.	Nguyễn Tiến Nhật	
341.	14.	Dương Quốc Nỗn	
342.	15.	Dương Thị Thu Hà	
343.	16.	Nguyễn Thị Nhật Linh	
344.	17.	Hồ Nhật Linh	
345.	18.	Lê Hữu Ngọc Thanh	
346.	19.	Trần Thị Ánh Tuyết	
347.	20.	Lê Ngọc Đoàn	

348.	21.	Nguyễn Bích Ngọc	
349.	22.	Trần Trọng Tấn	
350.	23.	Trần Thị Minh Châu	
351.	24.	Phạm Thị Triều Tiên	
352.	25.	Lê Đình Huy	
353.	26.	Nguyễn Phúc Khoa	
354.	27.	Phạm Gia Tùng	
XIX	XIX	Khoa Cơ bản	
355.	1.	Đặng Thị Thu Hiền	
356.	2.	Vũ Thị Minh Phương	
357.	3.	Hoàng Hữu Tình	
358.	4.	Trương Thị Hằng	
359.	5.	Lê Thị Kim Anh	
360.	6.	Đỗ Thanh Tiến	
361.	7.	Nguyễn Hữu Thịnh	
362.	8.	Nguyễn Đức Hồng	
363.	9.	Trần Thị Diệu Hiền	
364.	10.	Trần Thị Thuỳ Hương	
365.	11.	Võ Phan Nhật Quang	
366.	12.	Nguyễn Chánh Bảo Nhật	
367.	13.	Dương Văn Hậu	
368.	14.	Nguyễn Đăng Nhật	
369.	15.	Lê Thu Hà	
370.	16.	Phan Thị Duy Thuận	
371.	17.	Nguyễn Thị Tuyết Lan	
372.	18.	Trần Bá Tịnh	
373.	19.	Nguyễn Ngọc Ánh	
374.	20.	Phạm Thị Thảo Hiền	
375.	21.	Tôn Nữ Tuyết Trinh	
376.	22.	Đinh Thị Thu Thanh	
377.	23.	Đào Lê Minh Tuấn	
378.	24.	Nguyễn Văn Cấn	
379.	25.	Trần Nguyên Thảo	

Danh sách có 379 cá nhân./.



DANH SÁCH CÁ NHÂN
ĐẠT DANH HIỆU "CHIẾN SĨ THI ĐUA CƠ SỞ" NĂM HỌC 2018 - 2019
(Kèm theo Quyết định số 606 /QĐ-ĐHNL ngày 28 tháng 10 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)

STT	Họ và tên	Đơn vị
1.	Nguyễn Tiến Long	Phòng TCHC
2.	Phan Thị Hằng	Phòng TCHC
3.	Dương Công Huân	Phòng TCHC
4.	Trần Văn Tỷ	Phòng ĐT
5.	Hoàng Hải Vân	Phòng ĐT
6.	Lê Xuân Ánh	Phòng KHCN&HTQT
7.	Trần Văn Quý	Phòng KHTC
8.	Lê Thị Liên	Phòng KHTC
9.	Phạm Hồng Sơn	Phòng KT&ĐBCLGD
10.	Nguyễn Duy Ngọc Tân	Trung tâm TTTV
11.	Lê Trọng Thực	Tổ TTPC
12.	Hoàng Thị Thái Hòa	Khoa Nông học
13.	Trần Thị Lệ	Khoa Nông học
14.	Nguyễn Thị Dung	Khoa Nông học
15.	Nguyễn Thị Giang	Khoa Nông học
16.	Nguyễn Quang Cơ	Khoa Nông học
17.	Nguyễn Xuân Bả	Khoa CNTY
18.	Hồ Lê Quỳnh Châu	Khoa CNTY
19.	Dương Thanh Hải	Khoa CNTY
20.	Trần Minh Đức	Khoa Lâm nghiệp
21.	Hồ Thanh Hà	Khoa Lâm nghiệp
22.	Nguyễn Văn Minh	Khoa Lâm nghiệp
23.	Nguyễn Duy Phong	Khoa Lâm nghiệp
24.	Vũ Thị Thùy Trang	Khoa Lâm nghiệp
25.	Hoàng Huy Tuấn	Khoa Lâm nghiệp
26.	Nguyễn Văn Toàn	Khoa CKCN
27.	Phạm Việt Hùng	Khoa CKCN
28.	Ngô Quý Tuấn	Khoa CKCN
29.	Hồ Sỹ Vương	Khoa CKCN
30.	Nguyễn Viết Tuấn	Khoa KN&PTNT
31.	Lê Văn Dân	Khoa Thủy sản
32.	Nguyễn Thị Xuân Hồng	Khoa Thủy sản
33.	Nguyễn Văn Huy	Khoa Thủy sản
34.	Nguyễn Thị Huế Linh	Khoa Thủy sản



35.	Nguyễn Hữu Ngừ	Khoa TND&MTNN
36.	Trương Đỗ Minh Phượng	Khoa TND&MTNN
37.	Trần Thị Thùy Hương	Khoa Cơ bản
38.	Hoàng Hữu Tình	Khoa Cơ bản
39.	Ngô Mậu Dũng	Viện NCPT
40.	Phan Văn Hùng	Trung tâm PTNTMT
41.	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Khoa CNTY
42.	Hoàng Gia Hùng	Khoa KN&PTNT
43.	Dương Ngọc Phước	Khoa KN&PTNT
44.	Lê Chí Hùng Cường	Khoa KN&PTNT
45.	Nguyễn Thị Hải	Khoa TND&MTNN
46.	Trần Quang Vui	Khoa CNTY

Danh sách có 46 cá nhân./.

